

Số: ..34.3.../TB-BVNĐ1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ..21...tháng ..5... năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá Dịch vụ vệ sinh máy lạnh Khu C và Khu D - Bệnh viện Nhi Đồng 1.

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu.

Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2204/QĐ-SYT ngày 09/04/2024 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nhi Đồng 1 trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 5348/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho Bệnh viện Nhi Đồng 1;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 04/UQ-BVNĐ1 ngày 15/05/2025 của Giám đốc Bệnh viện Nhi Đồng 1;

Bệnh viện Nhi Đồng 1 trân trọng kính mời các Đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm và có khả năng Dịch vụ vệ sinh máy lạnh Khu C và Khu D - Bệnh viện Nhi Đồng 1, vui

lòng gửi hồ sơ chào giá đến Bệnh viện Nhi Đồng 1 để làm cơ sở lập dự toán Dịch vụ vệ sinh máy lạnh Khu C và Khu D - Bệnh viện Nhi Đồng 1, theo nội dung cụ thể sau:

I. Nội dung, chi tiết, phạm vi cung cấp:

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Tần suất Vệ sinh
I	KHOA 4A			
A	DÀN LẠNH			
1	Vệ sinh Dàn lạnh loại treo tường: - Công suất lạnh: 1.5 KW	Lượt	48	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
2	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 2.8 KW.	Lượt	57	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
3	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 2.8 KW.	Lượt	50	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
4	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 3.6 KW.	Lượt	42	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
5	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 4.5 KW.	Lượt	48	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
6	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 5.6 KW.	Lượt	15	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
7	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 5.6 KW.	Lượt	34	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
8	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 7.1 KW.	Lượt	22	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
9	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 9 KW.	Lượt	27	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
10	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 9 KW.	Lượt	20	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
11	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 11.2 KW.	Lượt	30	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Tần suất Vệ sinh
12	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 14 KW.	Lượt	6	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
13	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 14 KW.	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
B	DÀN NÓNG			
14	Vệ sinh Cụm Dàn nóng treo tường (loại 1 chiều), Công suất: 1.5 KW	Lượt	48	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
15	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV-VRF (loại 1 chiều), Công suất: 22.4 KW	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
16	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV-VRF (loại 1 chiều), Công suất: 106 KW	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
17	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV-VRF (loại 1 chiều), Công suất: 117 KW	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
18	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV-VRF (loại 1 chiều), Công suất: 123 KW	Lượt	8	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
19	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV-VRF (loại 1 chiều), Công suất: 130 KW	Lượt	6	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
20	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV-VRF (loại 1 chiều), Công suất: 135 KW	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
III	KHỐI 5B			
A	DÀN LẠNH			
21	Vệ sinh Dàn lạnh loại treo tường: - Công suất lạnh: 1.5 KW	Lượt	106	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
22	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại treo tường: - Công suất lạnh: 2.8 KW	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
23	Vệ sinh Dàn lạnh loại treo tường: - Công suất lạnh: 7.1 KW.	Lượt	4	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
24	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 2.8 KW.	Lượt	24	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Tần suất Vệ sinh
25	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 2.8 KW.	Lượt	90	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
26	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 3.6 KW	Lượt	15	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
27	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 3.6 KW	Lượt	62	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
28	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 4.5 KW	Lượt	9	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
29	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 4.5 KW	Lượt	32	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
30	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 5.6 KW	Lượt	9	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
31	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 5.6 KW	Lượt	52	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
32	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 7.1 KW	Lượt	12	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
33	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 7.1 KW	Lượt	64	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
34	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 9.0 KW	Lượt	40	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
35	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 11.2 KW	Lượt	3	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
36	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 11.2 KW	Lượt	50	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
37	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại cassette âm trần 4 hướng thổi: - Công suất lạnh: 14 KW	Lượt	60	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Tần suất Vệ sinh
38	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại giấu trần nổi ống gió - Công suất lạnh: 4.5 KW	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
39	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại giấu trần nổi ống gió - Công suất lạnh: 5.6 KW	Lượt	3	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
40	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại giấu trần nổi ống gió - Công suất lạnh: 5.6 KW	Lượt	4	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
41	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại giấu trần nổi ống gió - Công suất lạnh: 7.1 KW	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
42	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại giấu trần nổi ống gió - Công suất lạnh: 9 KW	Lượt	3	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
43	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại giấu trần nổi ống gió - Công suất lạnh: 9 KW	Lượt	16	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
44	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại giấu trần nổi ống gió - Công suất lạnh: 11.2 KW	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
45	Vệ sinh Dàn lạnh VRV loại giấu trần nổi ống gió - Công suất lạnh: 14 KW	Lượt	18	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
46	Vệ sinh Dàn lạnh VRV (Tầng 1) loại giấu trần nổi ống gió - Công suất lạnh: 22.4 KW	Lượt	3	Tần suất Vệ sinh : 02 tháng/ 01 lượt/ 01 bộ
B	DÀN NÓNG			
47	Vệ sinh Cụm Dàn nóng treo tường (loại 1 chiều), Công suất: 7.1 KW	Lượt	4	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
48	Vệ sinh Cụm Dàn nóng treo tường (loại 1 chiều), Công suất: 1.5 KW	Lượt	44	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
49	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV-VRF (loại 1 chiều), Công suất: 22.4 KW	Lượt	4	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Tần suất Vệ sinh
50	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV (loại 1 chiều), Công suất :61.5	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
51	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV (loại 1 chiều), Công suất :67	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
52	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV (loại 1 chiều), Công suất :78.5	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
53	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV (loại 1 chiều), Công suất :89.5	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
54	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV (loại 1 chiều), Công suất :96	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
55	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV (loại 1 chiều), Công suất: 123KW	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
56	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV (loại 1 chiều), Công suất: 152KW	Lượt	8	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
57	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV (loại 1 chiều), Công suất: 157KW	Lượt	4	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
58	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV (loại 1 chiều), Công suất: 162 KW	Lượt	2	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy
59	Vệ sinh Cụm Dàn nóng VRV (loại 1 chiều), Công suất: 168 KW	Lượt	4	Tần suất Vệ sinh : 03 tháng/01 lượt/ 01 máy

➤ **Thời gian và địa điểm thực hiện:**

- Thời gian thực hiện: 180 ngày
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Nhi Đồng 1. Số 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, TP.HCM

➤ **Loại hợp đồng và Phương thức thanh toán:**

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản thành từng đợt theo khối lượng thực tế phát sinh sau khi Nhà thầu hoàn thành xong công việc.

II. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ chào giá:

Hình thức gửi:

- Hồ sơ được niêm phong và gửi về Phòng hành chính Quản trị - Bệnh viện Nhi Đồng 1; Số 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, TP.HCM; Điện thoại: (028)39273940.

- Gửi về mail: p.hcqt@nhidong.org.vn

Thời gian nhận hồ sơ chào giá: đến 14 giờ 00 phút ngày 26... tháng 5... năm 2025

III. Biểu mẫu bảng chào giá cung cấp, hàng hóa dịch vụ:

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	MÔ TẢ CHI TIẾT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
Tổng cộng (Đã bao gồm thuế, phí các loại):						
Bảng chữ:						

Ghi chú:

- Giá chào là giá đã bao gồm, thuế, phí, lệ phí khác;
- Thời gian hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 30 ngày;

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCQT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *TR*



Ngô Ngọc Quang Minh

